

Số: /BC-THTVO

Hà Lý, ngày tháng 9 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN¹
Năm 2024**I. THÔNG TIN CHUNG²****1. Tên cơ sở giáo dục:** Trường Tiểu học Trần Văn ƠN**2. Địa chỉ trụ sở chính:** Số 3, Phạm Phú Thứ, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng - Điện thoại: 0225.3841700Trang điện tử: <http://thtranvanon.haiphong.edu.vn>**3. Loại hình của cơ sở giáo dục:** Công lập.**4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.**

* **Sứ mạng:** Tạo dựng môi trường học tập có nề nếp, kỷ cương, chất lượng cao. Mỗi học sinh đều có cơ hội để phát triển khả năng sáng tạo của bản thân. Học sinh tích cực học tập, chăm ngoan, lễ phép, hòa thuận với bạn bè; có khả năng thích ứng với sự phát triển của xã hội và trở thành những công dân tốt.

* **Tầm nhìn:** Phấn đấu là một trường chuẩn mực và năng động, có uy tín giáo dục đối với cha mẹ học sinh, cộng đồng xã hội. Học sinh được phát triển trong môi trường thân thiện, hiện đại. Là nơi đào tạo học sinh thành những con người sống có trách nhiệm, lòng nhân ái, hoà nhập tốt với cộng đồng và luôn có khát vọng vươn lên.

* **Mục tiêu:** Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của địa phương, đất nước và thời đại.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục:

Trường Tiểu học Trần Văn ƠN địa điểm tại số 3 Phạm Phú Thứ, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Trường Tiểu học Trần Văn ƠN được thành lập theo quyết định số 106 QĐ/UB ngày 07/08/1991 của UBND quận Hồng Bàng sau khi tách ra từ trường Cấp I, II.

Trải qua 33 năm xây dựng và trưởng thành cùng với sự phát triển của ngành giáo dục, được sự quan tâm giúp đỡ của các cấp lãnh đạo và của Đảng uỷ, chính quyền, nhân dân địa phương, sự chỉ đạo sát sao của phòng GD&ĐT quận Hồng Bàng, đặc biệt là sự nỗ lực cố gắng, khắc phục khó khăn phấn đấu vươn lên của tập thể, cán bộ giáo viên và các thế hệ học sinh, nhà trường đã phát triển không ngừng về mọi mặt, luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp giáo dục của địa phương.

Từ một đơn vị khó khăn về cơ sở vật chất đến nay nhà trường đã có một cơ ngơi khang trang với tổng diện tích khuôn viên là 4343m², diện tích sân chơi rộng gần 1000m². Nhà trường có 24/24 phòng học và có đủ khối phòng phục vụ học tập, khối phòng hành chính quản trị, có nhà vệ sinh, nhà để xe riêng cho giáo viên và học sinh.

Hiện tại nhà trường có 50 CBQL, GV, NV (trong đó 02 cán bộ quản lý, 40 giáo viên, 08 nhân viên). 97,6% (41/42) cán bộ, giáo viên đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn, trong đó trình độ thạc sỹ là 14,3% (06/42); trình độ đại học là 83,3% (35/42); 73,8% cán bộ, giáo viên là đảng viên (31/42); 100% CBGVNV có chứng chỉ A,B tin học và ngoại ngữ. Tỷ lệ giáo viên đạt 1,67 GV/lớp, nhà trường có đủ giáo viên chuyên dạy các môn: Âm nhạc, Mỹ thuật, Tiếng Anh. Chất lượng đội ngũ giáo viên của nhà trường đã được khẳng định qua từng năm học. Năm học 2023-2024, 79,5% số giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi (GVĐG) cấp trường, 22,5% là giáo viên giỏi cấp quận và 32,5% là giáo viên giỏi cấp thành phố; 23 đồng chí đăng kí danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở.

Tại thời điểm báo cáo, nhà trường có 720 HS được chia thành 23 lớp. Trong đó: khối 1: 127 em/4 lớp; khối 2: 138 em/5 lớp; khối 3: 139 em/4 lớp; khối 4: 165 em/5 lớp; khối 5: 150 em/5 lớp; bình quân học sinh 31,3 em/lớp.

Trong những năm học vừa qua, chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường luôn được giữ vững và ổn định. Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học, hoàn thành chương trình tiểu học đạt từ 99-100%. Năm học 2023-2024 có 87 học sinh đạt giải cao trong các cuộc thi Quốc gia, Quốc tế, thành phố và quận với thế mạnh là các giải về thi đấu TDTT, Mỹ thuật, Toán hội nhập. Nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm sáng tạo, qua đó phát hiện học sinh có năng khiếu, bồi dưỡng nhân tài, rèn kỹ năng sống, giúp học sinh học tập một cách tích cực, chủ động, sáng tạo và phát triển toàn diện. Nhà trường phối hợp với các tổ chức đoàn thể của địa phương để thực hiện tốt mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học, huy động trẻ trong độ tuổi đi học ra lớp đạt tỉ lệ cao. Nhà trường có nhiều giải pháp hỗ trợ trẻ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ khuyết tật được tới trường học tập, không có học sinh bỏ học. Chất lượng giáo dục của nhà trường luôn được khẳng định ở vị trí tốp đầu của quận.

Trong những năm qua, nguồn tài chính đảm bảo cho nhà trường hoạt động thường xuyên gồm: Nguồn ngân sách nhà nước cấp như lương, phụ cấp theo lương được chi trả theo đúng quy định của Nhà nước về quản lý tài chính, đảm bảo chi trả đầy đủ, kịp thời hàng tháng cho người lao động. Nguồn kinh phí huy động hợp pháp khác từ nguồn xã hội hoá giáo dục được nhà trường huy động và sử dụng đúng mục đích góp phần hỗ trợ hoạt động dạy - học và các hoạt động giáo dục khác. Căn cứ vào kinh phí được cấp cho từng năm, nhà trường xây dựng

quy chế chi tiêu nội bộ; sử dụng có hiệu quả, đúng mục đích, tiết kiệm. Việc lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính được nhà trường thực hiện theo đúng chế độ kế toán, tài chính của Nhà nước; mỗi học kỳ, nhà trường đều công khai tài chính cho toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong cuộc họp hội đồng sư phạm nhà trường, niêm yết trên bảng tin, có sự giám sát của Hội đồng trường, Công đoàn và Ban thanh tra nhân dân.

Nhà trường có đầy đủ hệ thống văn bản pháp quy về giáo dục và đào tạo. Hằng năm, căn cứ Chỉ thị nhiệm vụ năm học, Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của sở GD&ĐT Hải Phòng, phòng GD&ĐT thành phố, tình hình thực tế của địa phương, của nhà trường, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch giáo dục và tổ chức thực hiện kế hoạch có hiệu quả, hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học. Trong từng năm học, nhà trường luôn thực hiện nghiêm túc Quy chế chuyên môn, quan tâm chú trọng các hoạt động chuyên môn như: Tổ chức các chuyên đề về đổi mới phương pháp dạy học; tổ chức hội giảng cấp trường và dự thi các cấp; dự giờ, thăm lớp; thực hiện tốt công tác kiểm tra nội bộ trường học. Cuối mỗi năm học, cán bộ, giáo viên, nhân viên đều tham gia viết sáng kiến về các hoạt động quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ. Đặc biệt, nhà trường đã thực hiện tốt công tác bồi dưỡng học sinh năng khiếu, góp phần vào sự phát triển chung của ngành GD&ĐT quận Hồng Bàng.

Với sự cố gắng không ngừng, trường Tiểu học Trần Văn Ôn đã đạt được những thành tích đáng trân trọng và tự hào: Trường công nhận trường chuẩn Quốc gia mức độ 2 năm 2011; trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3 năm 2011;

Từ năm học 2020-2021 đến nay, nhà trường nhiều năm đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến, tập thể lao động xuất sắc. Chi bộ đạt Chi bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2023. Công đoàn trường được nhận Bằng khen của Liên đoàn Lao động Thành phố. Liên đội nhiều năm liên tục đạt Liên Đội mạnh cấp Thành phố; Năm học 2021-2022 được Trung ương đoàn tặng Bằng khen. Nhiều cán bộ, giáo viên nhà trường đã được UBND thành phố Hải Phòng, Sở GD&ĐT Hải Phòng, UBND quận Hồng Bàng... tặng nhiều bằng khen, giấy khen.

Phát huy truyền thống và kết quả đã đạt được trong những năm học qua, mục tiêu phấn đấu của nhà trường hiện nay là: Tiếp tục duy trì giữ vững trường tiểu học đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2, kiểm định chất lượng giáo dục đạt Cấp độ 3, từng bước nâng cao hơn nữa chất lượng giáo dục toàn diện học sinh, tích cực hưởng ứng phong trào thi đua “*Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực*” và các cuộc vận động do ngành giáo dục phát động.

6. Thông tin người đại diện pháp luật:

Họ và tên: Tô Văn Hoài - Chức vụ: Hiệu trưởng - Số điện thoại: 0987445595

Địa chỉ Email: tohoai@hongbang.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập: Quyết định số 106/QĐ/UB ngày 07/08/1991 của UBND quận Hồng Bàng thành lập trường Tiểu học Trần Văn Ôn.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường: Quyết định kiện toàn hội đồng trường số 1707/QĐ-UBND ngày 31/8/2023 do Chủ tịch UBND quận Hồng Bàng kí.

Cơ cấu:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Hội đồng trường
1	Tô Văn Hoài	Bí thư Chi bộ - Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng
2	Lê Thị Thanh Hảo	Chủ tịch Công đoàn - TTCM	Phó Chủ tịch
3	Nguyễn Thị Phương Thảo	Tổ trưởng chuyên môn	Thư ký
4	Phạm Thị Thanh Huyền	Phó Hiệu trưởng	Thành viên
5	Phạm Thanh Huyền	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên
6	Vũ Thị Phương Thảo	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên
7	Vũ Thị Bích Hạnh	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên
8	Nguyễn Văn Bình	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên
9	Trương Thị Thủy	Tổ trưởng tổ Văn phòng	Thành viên
10	Lê Thị Thu Hồng	Phó Chủ tịch UBND phường Hạ Lý	Thành viên
11	Nguyễn Quý Mạnh	Trưởng ban ĐDCMHS	Thành viên

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng;

- Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng: Tô Văn Hoài (1435/QĐ-UBND quận ngày 05/10/2020 của UBND quận Hồng Bàng)

- Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận phó hiệu trưởng: Phạm Thị Thanh Huyền (1416/QĐ-UBND quận ngày 30/9/2020 của UBND quận Hồng Bàng);

d) Cơ cấu, quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

* Cơ cấu: Căn cứ Điều 9 Điều lệ trường tiểu học ban hành kèm theo [Thông tư 28/2020/TT-BGDĐT](#) quy định cơ cấu tổ chức của [trường tiểu học](#) công lập gồm:

- Hội đồng trường;
- Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng;

- Hội đồng thi đua khen thưởng;
- Hội đồng kỉ luật;
- Hội đồng tư vấn;
- Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Tổ chức Công đoàn;
- Tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;
- Tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh;
- Các tổ chuyên môn;
- Tổ văn phòng;
- Lớp học sinh.

* Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường: Theo Quyết định số 01/QĐ-THTVO ngày 12/9/2023 của Hiệu trưởng Trường Tiểu học Trần Văn Ôn.

* Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có): Nhiệm vụ và quyền hạn của trường tiểu học được quy định tại Điều 3 Điều lệ ban hành kèm theo Thông tư 28/2020/TT-BGDĐT, cụ thể như sau:

- Công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục; tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục và xóa mù chữ tại địa bàn. Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động và tạo điều kiện cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đến trường. Nhận bảo trợ và quản lý các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo sự phân công của cấp có thẩm quyền.

- Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

- Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thực hiện lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; triển khai thực hiện sách giáo khoa và nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực

thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); thực hiện tự chủ chuyên môn trong tổ chức các hoạt động giáo dục tại trường tiểu học.

- Thực hiện tự kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định.

- Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

- Quản lý và sử dụng đất, tài chính và tài sản của nhà trường theo quy định của pháp luật.

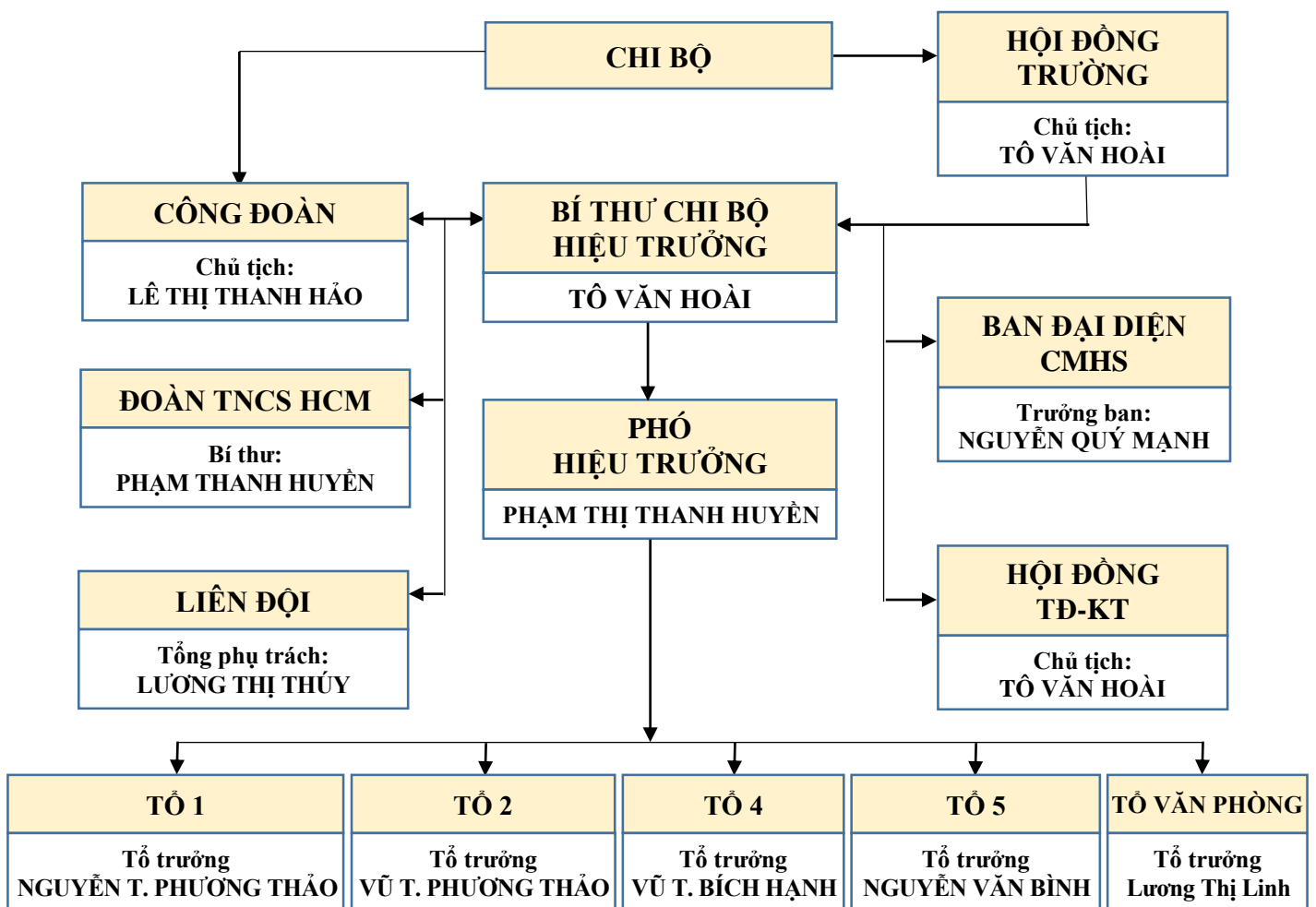
- Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện các hoạt động giáo dục. Tổ chức cho giáo viên, người lao động và học sinh tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

- Xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục trong nhà trường, tham gia xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục ở địa phương.

- Được tiếp nhận các khoản tài trợ, viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với nhà trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

* Sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường:



d) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có): Không

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có).

- Hiệu trưởng: Tô Văn Hoài - Số điện thoại: 0987445595; Địa chỉ Email: tohoai@hongbang.edu.vn

- Phó Hiệu trưởng: Phạm Thị Thanh Huyền - Số điện thoại: 0337020179;
Địa chỉ Email: thanhhuyen020179@gmail.com

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

- Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục;
- Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục;
- Các nghị quyết của Hội đồng trường;
- Quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN³

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo.

- Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên (không tính lao công, bảo vệ): 45
- Cán bộ quản lý: + Số lượng: 02 Đủ, thiếu: Thiếu 01 (PHT)
+ Trình độ: 02 Thạc sĩ

- Giáo viên:

Tổng số GV	Biên chế		Hợp đồng		Thừa/thiếu/đủ (Ghi rõ thừa, thiếu GV bộ môn nào)	Ghi chú
	Chuẩn và trên chuẩn	Trên chuẩn	Chuẩn và trên chuẩn	Trên chuẩn		
40	39	04	0	0	Thiếu 02 GV (01 GV Tin học, 01 GV Tiếng Anh)	Thừa 03 GV (01 GV đang biệt phái tại PGD) được tính vào các vị trí: + Giáo vụ: 01 + Tư vấn tâm lý: 01 + Hỗ trợ GD khuyết tật: 01

- Nhân viên:

+ Số lượng: 03 Thừa/thiếu: Thiếu 01

+ Vị trí việc làm: Quản trị công sở

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định: $41/42 = 97.6\%$ (01 GV chưa đạt chuẩn - CĐSP - chuẩn bị đến tuổi nghỉ hưu)

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định $45/45=100\%$

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT⁴

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Tổng diện tích	Diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh;	Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;
4343m ²	15.5m ² / học sinh	6,04m ²

b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Hạng mục	Số lượng	Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định
Khối phòng hành chính quản trị	<p>a) Phòng Hiệu trưởng: có phòng làm việc và đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành;</p> <p>b) Phòng Phó Hiệu trưởng: có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành;</p> <p>c) Văn phòng: bảo đảm có 01 phòng; có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành;</p> <p>d) Phòng bảo vệ: bảo đảm có 01 phòng; đặt ở gần lối ra vào của trường, có vị trí quan sát thuận lợi;</p> <p>e) Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên: bố trí theo các khối phòng chức năng, phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt; số lượng thiết</p>	<p>a) Phòng Hiệu trưởng: có phòng làm việc và đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành;</p> <p>b) Phòng Phó Hiệu trưởng: có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành;</p> <p>c) Văn phòng: bảo đảm có 01 phòng; có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành;</p> <p>d) Phòng bảo vệ: bảo đảm có 01 phòng; đặt ở gần lối ra vào của trường, có vị trí quan sát thuận lợi;</p> <p>e) Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên: bố trí theo các khối phòng chức năng, phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt; số lượng thiết</p>

Hạng mục	Số lượng	Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định
	<p>bị: đối với nam 01 chậu tiêu/15 người, 01 chậu xí/20 người, 01 chậu rửa tay/04 chậu xí nhưng không được ít hơn 01; đối với nữ 01 chậu xí/15 người, 01 chậu rửa tay/02 chậu xí nhưng không được ít hơn 01. Trường hợp khu vệ sinh riêng biệt cần đặt ở vị trí thuận tiện cho sử dụng, không làm ảnh hưởng môi trường;</p> <p>g) Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên: có mái che và đủ chỗ cho giáo viên, cán bộ, nhân viên của trường.</p>	<p>bị: đối với nam 01 chậu tiêu/05 người, 01 chậu xí/05 người, 01 chậu rửa tay/01 chậu xí; đối với nữ 01 chậu xí/13 người, 01 chậu rửa tay/03 chậu xí.</p> <p>g) Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên: có mái che và đủ chỗ cho giáo viên, cán bộ, nhân viên của trường.</p>
Khối phòng học tập	<p>a) Phòng học: bảo đảm mỗi lớp có một phòng học riêng; có thể sử dụng làm nơi nghỉ trưa cho học sinh (nếu có); được trang bị đầy đủ: Bàn, ghế học sinh đúng quy cách và đủ chỗ ngồi cho học sinh; bàn, ghế giáo viên; bảng lớp; hệ thống đèn và hệ thống quạt; hệ thống tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học;</p> <p>b) Phòng học bộ môn Tin học: có tối thiểu 01 phòng;</p> <p>c) Phòng học bộ môn Ngoại ngữ: có tối thiểu 01 phòng;</p>	<p>a) Phòng học: bảo đảm mỗi lớp có một phòng học riêng (23/23 lớp); có thể sử dụng làm nơi nghỉ trưa cho học sinh (nếu có); được trang bị đầy đủ: Bàn, ghế học sinh đúng quy cách và đủ chỗ ngồi cho học sinh; bàn, ghế giáo viên; bảng lớp; hệ thống đèn và hệ thống quạt; hệ thống tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học;</p> <p>b) Phòng học bộ môn Âm nhạc, Mỹ thuật: có 02 phòng;</p> <p>Phòng học bộ môn Tin học: có 02 phòng;</p> <p>c) Phòng học bộ môn Ngoại ngữ: thiếu</p> <p>e) Phòng đa chức năng: có 01</p>
Khối phòng hỗ trợ học tập	<p>a) Thư viện: mỗi trường có tối thiểu 01 thư viện, mỗi điểm trường có tủ sách dùng chung; thư viện tối thiểu có các khu chức năng: kho sách, khu quản lý (nơi làm việc của nhân viên thư viện), khu đọc sách dành riêng cho giáo viên và học sinh;</p>	<p>a) Thư viện: Nhà trường có 01 thư viện và 01 khu thư viện ngoài trời, mỗi lớp có tủ sách dùng chung; thư viện tối thiểu có các khu chức năng: kho sách, khu quản lý (nơi làm việc của nhân viên thư viện), khu đọc sách dành riêng cho giáo viên và học sinh;</p>

Hạng mục	Số lượng	Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định
	<p>b) Phòng thiết bị giáo dục: có tối thiểu 01 phòng; có đầy đủ giá, tủ để</p>	<p>b) Phòng thiết bị giáo dục: có 01 phòng; có đầy đủ giá, tủ để đựng và bảo quản thiết bị dạy học của toàn trường;</p> <p>c) Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập: bảo đảm có 01 phòng, bố trí ở tầng 1;</p> <p>d) Phòng truyền thống: bảo đảm có 01 phòng; trang bị đầy đủ các thiết bị;</p> <p>e) Phòng Đội Thiếu niên: bảo đảm có 01 phòng; trang bị đầy đủ các thiết bị; có thể kết hợp với phòng truyền thống</p>
Khối phụ trợ	<p>a) Phòng họp: bảo đảm có 01 phòng, trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành; sử dụng làm nơi sinh hoạt chung và làm việc của giáo viên ngoài giờ dạy;</p> <p>b) Phòng Y tế trường học: bảo đảm có 01 phòng; có tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu, dụng cụ sơ cứu, giường bệnh;</p> <p>c) Nhà kho: bảo đảm có 01 phòng; nơi để dụng cụ chung và học phẩm của trường;</p> <p>d) Khu để xe học sinh: có mái che; bố trí khu vực để xe cho học sinh khuyết tật gần lối ra/vào;</p> <p>e) Khu vệ sinh học sinh: bố trí theo các khối phòng chức năng, phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt, bảo đảm cho học sinh khuyết tật tiếp cận sử dụng; số lượng thiết bị: đối với nam 01 tiểu nam, 01 xí và 01 chậu rửa cho 30 học sinh (trường hợp làm máng tiểu bảo đảm chiều dài máng 0,6m cho 30 học sinh), có tường/vách ngăn giữa chỗ đi tiểu và xí; đối với nữ 01 xí và 01 chậu rửa cho 20 học</p>	<p>a) Phòng họp: có 01 phòng, trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành; sử dụng làm nơi sinh hoạt chung và làm việc của giáo viên ngoài giờ dạy;</p> <p>b) Phòng Y tế trường học: có 01 phòng; có tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu, dụng cụ sơ cứu, giường bệnh;</p> <p>c) Nhà kho: có 03 phòng; nơi để dụng cụ chung và học phẩm của trường;</p> <p>d) Khu để xe học sinh: có mái che; bố trí khu vực để xe cho học sinh khuyết tật gần lối ra/vào;</p> <p>e) Khu vệ sinh học sinh: bố trí theo các khối phòng chức năng, phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt, bảo đảm cho học sinh khuyết tật tiếp cận sử dụng; số lượng thiết bị: đối với nam 01 tiểu nam, 01 xí và 01 chậu rửa cho 44 học sinh có tường/vách ngăn giữa chỗ đi tiểu và xí; đối với nữ 01 xí và 01 chậu rửa cho 44 học sinh. Trường hợp khu vệ sinh riêng biệt cần đặt ở vị</p>

Hạng mục	Số lượng	Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định
	<p>sinh. Trường hợp khu vệ sinh riêng biệt cần đặt ở vị trí thuận tiện cho sử dụng, không làm ảnh hưởng môi trường;</p> <p>Cổng, hàng rào: khuôn viên của trường, điểm trường phải ngăn cách với bên ngoài bằng hàng rào bảo vệ (tường xây hoặc hàng rào cây xanh), bảo đảm vững chắc, an toàn. Cổng trường, điểm trường phải kiên cố, vững chắc để gắn cổng và biển tên trường.</p>	<p>trí thuận tiện cho sử dụng, không làm ảnh hưởng môi trường;</p> <p>Cổng, hàng rào: khuôn viên của trường, điểm trường có ngăn cách với bên ngoài bằng hàng rào bảo vệ (tường xây hoặc hàng rào cây xanh), bảo đảm vững chắc, an toàn. Cổng trường, điểm trường phải kiên cố, vững chắc để gắn cổng và biển tên trường.</p>
Khu sân chơi, thể dục thể thao	<p>a) Có một sân chung của nhà trường để tổ chức các hoạt động của toàn trường; sân phải bằng phẳng, có cây xanh bóng mát;</p> <p>b) Sân thể dục thể thao bảo đảm an toàn và có dụng cụ, thiết bị vận động cho học sinh.</p>	<p>a) Có một sân chung của nhà trường để tổ chức các hoạt động của toàn trường; sân bằng phẳng, có cây xanh bóng mát;</p> <p>b) Không có sân thể dục thể thao.</p>
Khối phục vụ sinh hoạt	<p>a) Nhà bếp (đối với trường có tổ chức nấu ăn): độc lập với khối phòng học tập và hỗ trợ học tập; dây chuyền hoạt động một chiều, hợp vệ sinh;</p> <p>b) Kho bếp (đối với trường có tổ chức nấu ăn): phân chia riêng biệt kho lương thực và kho thực phẩm; có lối nhập, xuất hàng thuận tiện, độc lập và phân chia khu vực cho từng loại thực phẩm; có thiết bị bảo quản thực phẩm;</p> <p>c) Nhà ăn (đối với trường có tổ chức nội trú): trang bị đầy đủ các thiết bị; bảo đảm phục vụ cho học sinh;</p> <p>d) Nhà ở nội trú (đối với trường có tổ chức nội trú): bố trí đủ phòng ngủ cho học sinh, có khu vệ sinh và nhà tắm; phân khu</p>	<p>a) Nhà bếp: độc lập với khối phòng học tập và hỗ trợ học tập; dây chuyền hoạt động một chiều, hợp vệ sinh;</p> <p>b) Kho bếp: phân chia riêng biệt kho lương thực và kho thực phẩm; có lối nhập, xuất hàng thuận tiện, độc lập và phân chia khu vực cho từng loại thực phẩm; có thiết bị bảo quản thực phẩm;</p> <p>c) Nhà ăn: trang bị đầy đủ các thiết bị; bảo đảm phục vụ cho hơn 300 học sinh;</p> <p>d) Nhà ở nội trú: không có</p>

Hạng mục	Số lượng	Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định
	riêng cho nam và nữ; trang bị đầy đủ các thiết bị;	
Hạ tầng kỹ thuật	<p>a) Hệ thống cấp nước sạch: đáp ứng nhu cầu sử dụng, bảo đảm các quy định và tiêu chuẩn chất lượng nước theo quy định hiện hành; hệ thống thoát nước, công thu gom kết hợp rãnh có nắp đậy và hệ thống xử lý nước thải bảo đảm chất lượng nước thải theo quy định trước khi thải ra môi trường;</p> <p>b) Hệ thống cấp điện: bảo đảm đủ công suất và an toàn phục vụ hoạt động của trường;</p> <p>c) Hệ thống phòng cháy, chữa cháy: bảo đảm theo các quy định hiện hành;</p> <p>d) Hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc: điện thoại; kết nối mạng internet phục vụ các hoạt động của trường;</p> <p>đ) Khu thu gom rác thải: bố trí độc lập, cách xa các khối phòng chức năng, ở cuối hướng gió; có lối ra vào riêng, thuận lợi cho việc thu gom, vận chuyển rác; có hệ thống thoát nước riêng, không ảnh hưởng đến môi trường.</p>	<p>a) Hệ thống cấp nước sạch: đáp ứng nhu cầu sử dụng, bảo đảm các quy định và tiêu chuẩn chất lượng nước theo quy định hiện hành; hệ thống thoát nước, công thu gom kết hợp rãnh có nắp đậy và hệ thống xử lý nước thải bảo đảm chất lượng nước thải theo quy định trước khi thải ra môi trường;</p> <p>b) Hệ thống cấp điện: bảo đảm đủ công suất và an toàn phục vụ hoạt động của trường; có trạm biến áp riêng</p> <p>c) Có hệ thống phòng cháy, chữa cháy: bảo đảm theo các quy định hiện hành;</p> <p>d) Hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc: có điện thoại; có kết nối mạng internet phục vụ các hoạt động của trường;</p> <p>đ) Khu thu gom rác thải: bố trí độc lập, cách xa các khối phòng chức năng, ở cuối hướng gió; có lối ra vào riêng, thuận lợi cho việc thu gom, vận chuyển rác; có hệ thống thoát nước riêng, không ảnh hưởng đến môi trường.</p>

c) Số thiết bị dạy học hiện có theo Chương trình GDPT 2018 được cấp phát; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Danh mục	Số lượng	Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định
Thiết bị dạy học lớp 1	105 bộ	Đủ
Thiết bị dạy học lớp 2	110 bộ	Đủ

Danh mục	Số lượng	Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định
Thiết bị dạy học lớp 3	0	Chưa có
Thiết bị dạy học lớp 4	0	Chưa có
Thiết bị dạy học lớp 5	0	Chưa có

d) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA SỬ DỤNG TRONG NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2024-2025

1. Lớp 1

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
1	Tiếng Việt	Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên) Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Ngân Hoa, Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
2	Toán	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
3	Đạo đức	Lưu Thu Thủy (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Việt Hà, Ngô Vũ Thu Hằng, Nguyễn Thị Vân Hương, Trần Thị Tố Oanh	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	Cánh diều
4	Tự nhiên và xã hội	Đỗ Xuân Hội (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Thu Hằng (Chủ biên), Phạm Phương Anh, Lưu Phương Thanh Bình, Trần Thị Thu Hiền, Lý Khánh Hoa, Mai Thị Kim Phượng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
5	Giáo dục thể chất	Đặng Ngọc Quang (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Công Trường	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	Cánh diều
6	Hoạt động trải nghiệm	Bùi Sĩ Tụng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thanh Bình (Chủ biên), Vũ Thị Lan Anh, Lê Thị Luận, Trần Thị Thu	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
7	Mĩ thuật	Đoàn Thị Mỹ Hương (Tổng chủ biên), Trịnh Đức Minh, Bạch Ngọc Diệp (đồng Chủ biên), Nguyễn Gia Bảy, Nguyễn Quỳnh Nga, Trần Thị Thu Trang	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cùng học để phát triển năng lực
8	Âm nhạc	Hoàng Long (Tổng chủ biên kiêm chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Trần Văn Minh, Nguyễn Thị Nga	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cùng học để phát triển năng lực
9	Tiếng Anh	Nguyễn Thị Ngọc Quyên (Chủ biên), Đặng Đỗ Thiên Thanh, Lê Thị Tuyết Minh, Nguyễn Dương Hoài Thương, Huỳnh Tuyết Mai, Nguyễn Thụy Uyên Sa, Nguyễn Hoàng Thiên Ý	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh	I-Learn Smart Start 1

Danh sách này có 09 bản sách./.

2. Lớp 2

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
1	Tiếng Việt	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Bùi Mạnh Hùng - Trần Thị Hiền Lương (đồng Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Chu Thị Phương, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hào Tâm.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
		Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Bùi Mạnh Hùng - Trần Thị Hiền Lương (đồng Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Chu Thị Phương, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hào Tâm.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
2	Toán	Tập 1: Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
		Tập 2: Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
3	Đạo đức	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Lê Thị Tuyết Mai.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
4	Tự nhiên và xã hội	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thân (Chủ biên), Đào Thị Hồng, Phương Hà Lan, Phạm Việt Quỳnh, Hoàng Quý Tĩnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
5	Giáo dục thể chất	Lưu Quang Hiệp (Tổng chủ biên), Phạm Đông Đức (Chủ biên), Nguyễn Duy Linh, Phạm Tràng Kha	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh	Cánh diều
6	Hoạt động trải nghiệm	Phó Đức Nhã, Vũ Quang Tuyên (đồng Tổng Chủ biên),	Nhà xuất bản Giáo dục	Chân trời sáng tạo

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
		Bùi Ngọc Diệp, Nguyễn Hữu Tâm, Đinh Thị Kim Thoa (đồng Chủ biên), Nguyễn Hồng Kiên, Nguyễn Thị Bích Liên, Nguyễn Thị Hà Liên, Vũ Phương Liên, Nguyễn Hà My, Lại Thị Yên Ngọc, Đặng Thị Thanh Nhân, Nguyễn Huyền Trang, Trần Thị Quỳnh Trang, Lê Phương Trí	Việt Nam	
7	Mĩ thuật	Nguyễn Thị Nhung, Nguyễn Xuân Tiên (Đồng Tổng chủ biên) Nguyễn Tuấn Cường, Hoàng Minh Phúc (Đồng Chủ biên)	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
8	Âm nhạc	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (Đồng Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật, Trần Thị Kim Thăng, Nguyễn Thị Thanh Vân)	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
9	Tiếng Anh	DTP- Education Solutions và NXB Đại học sư phạm TP Hồ Chí Minh	Nhà xuất bản Đại học sư phạm TP Hồ Chí Minh	I learn smart start

Danh sách này có 09 bản sách./.

3. Lớp 3

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
1	Tiếng Việt	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
		Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phụng, Đặng Thị Hào Tâm.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
2	Toán	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
3	Đạo đức	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
4	Tự nhiên và Xã hội	Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (Đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Chi, Ngô Diệu Nga, Đào Thị Sen, Triệu Anh Trung	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
5	Giáo dục thể chất	Nguyễn Tất Thắng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Minh Hằng, Nguyễn Thị Mai Lan (Đồng Chủ biên), Hoàng Xuân Anh	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh	Cánh diều
6	Hoạt động trải nghiệm	Phó Đức Hòa, (Tổng Chủ biên), Bùi Ngọc Diệp, Nguyễn Hữu Tâm (đồng Chủ biên), Lê Thị Thu Huyền, Nguyễn Hà My, Đặng Thị Thanh Nhân, Nguyễn Hữu Tâm, Nguyễn Huyền Trang.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
7	Công nghệ	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Đồng Huy Giới, Dương Giáng Thiên Hương, Bùi Thị Thu Hương, Nguyễn Bích Thảo	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
8	Âm nhạc	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
9	Mĩ thuật	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Hồng Ngọc (đồng Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Võ Thị Nguyên, Phạm Văn Thuận.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
10	Tiếng Anh	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Phan Hà (Chủ biên), Nguyễn Thị Hải Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Quốc Tuấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Global Success
11	Tin học	Cao Hồng Huệ (Chủ biên), Nguyễn Thị Thu Phương, Nguyễn Phát Tài, Đào Thị Thêm, Lê Minh Tuấn.	Nhà xuất bản Đại học Vinh	Kiến tạo công dân toàn cầu

Danh sách này có 11 bản sách./.

4. Lớp 4

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
1	Tiếng Việt	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
		Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hào Tâm.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
2	Toán	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
3	Đạo đức	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
4	Khoa học	Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (Đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Chi, Ngô Diệu Nga, Đào Thị Sen, Triệu Anh Trung	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
5	Lịch sử và Địa lí	Vũ Minh Giang (Tổng chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương, Đào Ngọc Hùng (Tổng chủ biên phần Địa lí), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lí), Đặng Tiên Dung, Lê Thị Thanh Phương	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
6	Giáo dục thể chất	Nguyễn Tất Thắng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Minh Hằng, Nguyễn Thị Mai Lan (Đồng Chủ biên), Hoàng Xuân Anh	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh	Cánh diều
7	Hoạt động trải nghiệm	Phó Đức Hòa, (Tổng Chủ biên), Bùi Ngọc Diệp, Nguyễn Hữu Tâm (đồng	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
		Chủ biên), Lê Thị Thu Huyền, Nguyễn Hà My, Đặng Thị Thanh Nhân, Nguyễn Hữu Tâm, Nguyễn Huyền Trang.		
8	Công nghệ	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Đồng Huy Giới, Dương Giáng Thiên Hương, Bùi Thị Thu Hương, Nguyễn Bích Thảo	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
9	Mĩ thuật	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Hồng Ngọc (đồng Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Võ Thị Nguyên, Phạm Văn Thuận	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
10	Âm nhạc	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
11	Tiếng Anh	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Phan Hà (Chủ biên), Nguyễn Thị Hải Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Quốc Tuấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Global Success
12	Tin học	Cao Hồng Huệ (Chủ biên), Nguyễn Thị Thu Phương, Nguyễn Phát Tài, Đào Thị Thêm, Lê Minh Tuấn	Nhà xuất bản Đại học Vinh	Kiến tạo công dân toàn cầu

Danh sách này có 12 bản sách./.

5. Lớp 5

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
1	Tiếng Việt	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phượng	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
		Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Đặng Thị Hảo Tâm.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
2	Toán	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
3	Đạo đức	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
4	Khoa học	Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (Đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Chi, Ngô Diệu Nga, Đào Thị Sen, Triệu Anh Trung	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
5	Lịch sử và Địa lí	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
		sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lí), Đặng Tiên Dung, Dương Thị Oanh.		
6	Giáo dục thể chất	Đình Quang Ngọc (Tổng Chủ biên), Mai Thị Bích Ngọc (Chủ biên), Đình Khánh Thu, Nguyễn Thị Thu Quyết, Đình Thị Mai Anh.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh	Cánh diều
7	Hoạt động trải nghiệm	Phó Đức Hòa, (Tổng Chủ biên), Bùi Ngọc Diệp, Nguyễn Hữu Tâm (đồng Chủ biên), Lê Thị Thu Huyền, Nguyễn Hà My, Đặng Thị Thanh Nhân, Nguyễn Hữu Tâm, Nguyễn Huyền Trang	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
8	Công nghệ	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trịnh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
9	Mĩ thuật	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Hồng Ngọc (đồng Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Võ Thị Nguyên, Phạm Văn Thuận.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo (bản 1)
10	Âm nhạc	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
		Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga.		với cuộc sống
11	Tiếng Anh	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Phan Hà (Chủ biên), Nguyễn Thị Hải Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Quốc Tuấn	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Global Success
12	Tin học	Cao Hồng Huệ (Chủ biên), Nguyễn Thị Thu Phương, Nguyễn Phát Tài, Đào Thị Thêm, Lê Minh Tuấn	Nhà xuất bản Đại học Vinh	Kiến tạo công dân toàn cầu

Danh sách này có 12 bản sách./.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC⁵

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá: Nhà trường có Báo cáo kết quả tự đánh giá cuối mỗi năm học và có kế hoạch cải tiến sau tự đánh giá. Kết quả: Tự đánh giá đạt Mức độ 3.

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm:

STT	Năm công nhận	Quyết định	Mức độ	Ghi chú
1	2011	Số 1012/UBND Ngày 04/7/2011 của UBND TP Hải Phòng	Trường Chuẩn Quốc gia Mức II	
2	2012	Ngày 25/5/2021	Đạt KĐCL GD	

Năm 2025 nhà trường tiếp tục thực hiện việc đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC⁶

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học:

a) Kế hoạch tuyển sinh của cơ sở giáo dục, trong đó thể hiện rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan;

- Kế hoạch số 07/KH-THTVỎ ngày 29/5/2024;
- Thông báo tuyển sinh số 08/TB-THTVỎ ngày 06/6/2024.

b) Kế hoạch giáo dục của nhà trường: Kế hoạch số 55/KH-THTVỎ ngày 09/10/2023 đã được Phòng GD&ĐT quận phê duyệt.

c) Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh: Quyết định số 73/QĐ-THTVỎ ngày 09/10/2023.

d) Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục;

e) Thực đơn hằng ngày của học sinh (nếu có).

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước (năm học 2023-2024):

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

- Học sinh lớp 1 tuyển mới: 143 em.

Khối	Số lớp	Học sinh					Tỉ lệ HS/lớp	Số HS học 2 buổi/ngày		Số HS bán trú	
		Số HS	Nữ	Dân tộc	Khuyết tật	HS có hoàn cảnh khó khăn		Số HS	%	Số HS	%
1	5	143	71	02	01	7	28,6	143	100	131	98
2	4	141	80	02	01	2	35,3	141	100	104	74
3	5	166	68	02	04	3	33,2	166	100	116	70
4	5	154	73	0	0	1	30,6	154	100	104	70
5	5	174	73	02	03	4	35	174	100	84	48
Tổng	24	778	365	08	09	17	32,4	778	100	359	46

- Học sinh chuyển đi: 21 em

- Học sinh chuyển đến: 13 em

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ GD&ĐT (năm học 2023-2024):

1. Hoàn thành chương trình lớp học, hoàn thành chương trình tiểu học

Toàn trường có 776/778 học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 99,7%; Trong đó số học sinh hoàn thành chương trình tiểu học 174/174 học sinh, đạt 100%

2. Kết quả khen thưởng các nội dung học tập và rèn luyện

- Lớp 1,2,3,4

+ Học sinh đạt danh hiệu học sinh Xuất sắc: 331/604 học sinh (đạt 54,8%)

+ Học sinh Tiêu biểu hoàn thành tốt trong học tập và rèn luyện: 90/604 học sinh (đạt 14,9%)

+ Học sinh nhận thư khen có thành tích trong học tập, rèn luyện phẩm chất, năng lực: 111/604 học sinh (đạt 18,3%).

- Lớp 5

+ Học sinh hoàn thành Xuất sắc các nội dung học tập và rèn luyện: 98/174 học sinh (đạt 56,3%).

+ Học sinh có thành tích vượt trội trong học tập: 36/174 học sinh (đạt 20,6%)

+ Học sinh có tiến bộ vượt bậc: 18/174 học sinh (đạt 12,2%)

- Đoàn Thanh niên CSHCM phường Hạ Lý đã kí quyết định Công nhận 739/778 học sinh đạt danh hiệu cháu ngoan Bác Hồ (đạt 96,4%).

3. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng học sinh đang học (chia theo số lượng học sinh là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài): Không

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH⁷

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Dự toán được giao ngân sách trong năm 2023

* Thu ngân sách: 6.277.149.600 đồng

* Chi ngân sách

- Chi tiền lương và thu nhập: 5.426.744.688 đồng

- Chi cơ sở vật chất và dịch vụ: 850.404.912 đồng

- Chi hỗ trợ người học: 0 đ

- Chi khác: 0 đ

b) Nguồn thu khác:

TT	Nội dung	Tồn ĐK	Số thu	Số chi	Tồn quỹ
	Tổng cộng	0	4.529.442.000	4.506.198.809	31.614.992
1	Bán trú	0	697.650.000	697.650.000	8.371.800
2	Tiền 2b/ ngày	0	205.860.000	205.860.001	
3	Quản lý học sinh ngoài giờ học chính khóa	0	1.327.200.000	1.327.200.000	
4	Học kỹ năng sống	0	151.920.000	142.855.488	9.064.512

TT	Nội dung	Tồn ĐK	Số thu	Số chi	Tồn quỹ
5	Tăng cường Tiếng Anh (Lớp 1,2,5)	0	460.272.000	460.272.000	
6	Tăng cường Tin học	0	202.758.000	202.758.000	
7	Tiền tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài	0	660.640.000	646.461.320	14.178.680
8	Coi xe	0	77.165.000	77.165.000	
9	Quỹ đội	0	21.405.000	21.405.000	
10	Mua sắm TTB phục vụ bán trú	0	124.900.000	124.900.000	
11	Tiếp nhận tài trợ	0	139.400.000	139.400.000	
12	Bảo hiểm y tế	0	474.975.900	474.975.900	

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển.:

STT	Tên các khoản thu	Mức quy định của NQ 08/HĐND TP	Mức thỏa thuận
I	Các khoản thu quy định mức trần:		
1	Tổ chức hoạt động sau giờ học chính thức trong ngày.	10.000đ/ tiết	10.000đ/ tiết
2	Dạy kỹ năng sống	12.000đ/tiết	50.000đ/tháng
3	Tăng cường Tiếng Anh (Lớp 1,2,5)	12.000đ/tiết	12.000đ/tiết
4	Tăng cường Tin học (Lớp 1,2,5)	12.000đ/tiết	12.000đ/tiết
5	Tiền tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài	40.000đ/tiết	40.000đ/ tiết
6	Kỹ năng sống	12.000đ/tiết	
7	Coi xe	50.000đ/tháng xe máy	30.000đ/tháng xe máy
8	Dạy học 2b/ngày	30.000đ/ tháng	
9	Mua sắm TTB phục vụ bán trú	Mới tuyển hoặc lần đầu (khối 1): 360.000đ/hs/năm HS các năm học tiếp theo (khối 2,3, 4,5): 200.000đ/hs/năm	

STT	Tên các khoản thu	Mức quy định của NQ 08/HĐND TP	Mức thỏa thuận
II	Các khoản thu quy định mức trần		
III	Thu khác		
2	Bảo hiểm y tế	Theo luật BHYT	
3	Quỹ Đội	Hướng dẫn số 01 HD/TĐTN-SGDĐT	

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có). Tồn quỹ năm 2023-2024: 31.614.992 đồng

5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC⁸

1. Chi bộ

- Đạt danh hiệu Hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ năm 2023;
- Nhận Giấy khen của Đảng ủy phường Hạ Lý.

2. Kết quả thực hiện công tác Công đoàn

- Đạt danh hiệu Công đoàn cơ sở xuất sắc cấp thành phố;
- Nhận Bằng khen của LĐLĐ thành phố.

3. Chuyên môn

3.1. Kết quả tham gia các cuộc giao lưu của học sinh

Học sinh nhà trường đã tích cực tham gia các kì giao lưu, kì thi do ngành phối hợp hoặc hội nhập khu vực và quốc tế.

Tổng số giải đạt được: **424** giải và **17** giấy chứng nhận. Trong đó:

- Kết quả kì thi hội nhập khu vực và quốc tế: **27** giải và **08** Giấy chứng nhận (cấp thành phố: 05 giải và 02 Giấy chứng nhận; cấp quốc gia: 20 giải và 06 Giấy chứng nhận; Quốc tế: 02 giải).

- Kết quả các kì giao lưu, kì thi có sự phối hợp của ngành: **07** giải (cấp quận: 06 giải; cấp thành phố: 01 giải; cấp Quốc gia: 02 giải).

- Kết quả các cuộc thi được tổ chức trên mạng: **390** giải và **09** Giấy chứng nhận (cấp quận: 258 giải; cấp thành phố: 132 giải và 01 giấy chứng nhận; cấp quốc gia: 01 giải và 08 giấy chứng nhận).

3.2. Kết quả tham gia các cuộc giao lưu của GV

- GVĐG cấp TP: bảo lưu danh hiệu cho 12 đ/c
- GVĐG cấp quận: 9 đ/c
- GVCN giỏi cấp quận: 4 đ/c
- Thi GV TPT giỏi: 1 đ/c
- Thi VCD: 4 đ/c (đạt 2 giải Nhì, 1 giải Ba, 1 giải KK)
- Thi Thiết bị dạy học số cấp quận: 3 đ/c đạt giải KK
- Có 33 thầy cô giáo đạt thành tích xuất sắc trong công tác phát hiện và bồi dưỡng HS năng khiếu các cấp.

4. Kết quả thực hiện công tác Đội TNTP Hồ Chí Minh

- Đạt danh hiệu Liên đội vững mạnh xuất sắc cấp thành phố;
- Đề nghị Bằng khen của Hội đồng đội thành phố.

5. Kết quả thực hiện công tác Đoàn TNCS Hồ Chí Minh

- Nhận Giấy khen của Ủy ban Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam quận Hồng Bàng.

Nơi nhận:

- Phòng GDĐT Hồng Bàng (để b/c);
- Tổ Công khai;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Tô Văn Hoài